



## BÁO CÁO PHÂN TÍCH

Ngày phát hành: 31/05/2013

## TCT Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - CTCP

Ngành: Dầu khí/Dịch vụ & phân phối

Thành lập: 1990

Niem yết: 15/11/2007

Website: [www.pvdmc.com.vn](http://www.pvdmc.com.vn)

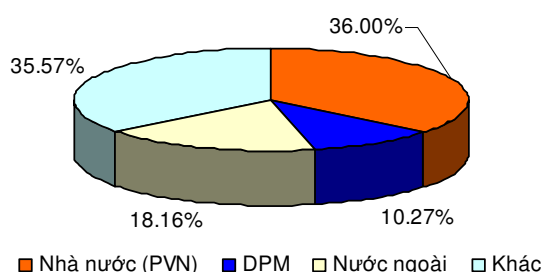
Khổng Đức Thành  
Chuyên viên Phân tích  
Email: [thanh.khong@ors.com.vn](mailto:thanh.khong@ors.com.vn)

### Thông tin cổ phiếu tại ngày: 31/05/2013

|                                       |                  |
|---------------------------------------|------------------|
| Mã CK                                 | PVC              |
| EPS 2012                              | 3,807 đồng/cp    |
| P/E (lần)                             | 4.81             |
| BV (31/12/2012)                       | 16,748 đồng/cp   |
| P/B (lần)                             | 1.09             |
| Giá hiện tại                          | 18,300 đ/cp      |
| Giá cao nhất 52 tuần                  | 18,800 đ/cp      |
| Giá thấp nhất 52 tuần                 | 11,200 đ/cp      |
| KL cổ phiếu lưu hành                  | 50,000,000 cp    |
| KLGD bq/phiên (xét 30 phiên gần nhất) | 811,000 cp/phiên |

PVC được giao dịch ký quỹ

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



(Nguồn: tổng hợp đến ngày 30/05/2013)

### THÔNG TIN TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

- Thành lập năm 1990 trực thuộc Tổng cục Dầu khí (Nay là Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - PVN);
- Tháng 10/2005 thực hiện cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí;
- Tháng 11/2007 chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch PVC;
- Tháng 05/2008 chuyển đổi sang mô hình Tổng công ty, đổi tên thành Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - CTCP;
- Vốn điều lệ hiện tại 500 tỷ.

#### Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất hóa phẩm: Barite - API DMC, Bentonite - API DMC, Super lub DMC, Biosafe DMC, Silica Flour DMC, xi măng G,...
- Cung cấp hóa chất: cung cấp các loại hóa chất đi kèm giải pháp kỹ thuật phục vụ cho khoan, thăm dò, khai thác, chế biến, vận chuyển dầu khí;
- Dịch vụ kỹ thuật: dịch vụ dung dịch khoan; Dịch vụ cung cấp hóa chất trọn gói (cung cấp toàn bộ hóa chất phục vụ khai thác dầu khí đi kèm giải pháp kỹ thuật); Dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho khai thác dầu khí; Dịch vụ làm sạch bồn bể chứa dầu, tàu chở dầu và các thiết bị công nghệ, công trình dầu khí; Dịch vụ xử lý môi trường, dịch vụ chống ăn mòn; Dịch vụ logistics.

#### Địa bàn kinh doanh:

Trong nước: PVC kinh doanh, cung cấp sản phẩm trên cả 3 miền: Bắc - Trung - Nam. Cụ thể là các địa bàn tiêu biểu như: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ngãi, Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nước ngoài: sản phẩm của PVC bán tại các nước Châu Á Thái Bình Dương, Trung Đông, Trung Mỹ.

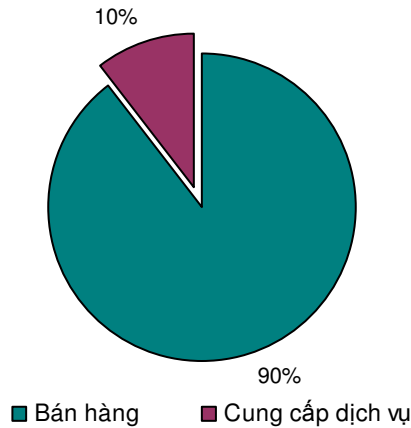
#### Hiện trạng ngành dịch vụ dầu khí tại Việt Nam

Trong chiến lược phát triển ngành năng lượng Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2050 là phát triển ngành dầu khí đồng bộ, bao gồm các hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, phân phối, dịch vụ và xuất, nhập khẩu; Phát triển dịch vụ dầu khí giai đoạn đến năm 2015 doanh thu dịch vụ kỹ thuật dầu khí đạt tốc độ tăng trưởng 15 - 20%/năm so với năm trước. Giai đoạn 2016 - 2025 doanh thu dịch vụ kỹ thuật dầu khí đạt tốc độ tăng trưởng 20 - 25%/năm so với năm trước.

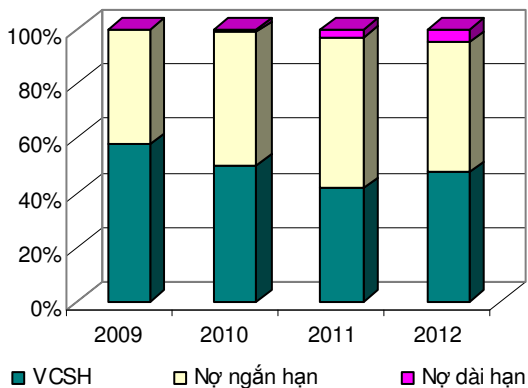
Những năm gần đây, ngành dịch vụ dầu khí của Việt Nam đã nhanh chóng phát triển, đáp ứng được yêu cầu của ngành.

Về lĩnh vực kinh doanh hóa chất sử dụng trong ngành dầu khí, ngành PVC đang kinh doanh, gần như không có cạnh tranh. Đối với mảng cung ứng các hóa chất cho lĩnh vực dầu khí trong nước, PVC là doanh nghiệp độc quyền, nắm 100% thị phần dịch vụ cung cấp dung dịch khoan tại Việt Nam.

## Cơ cấu doanh thu

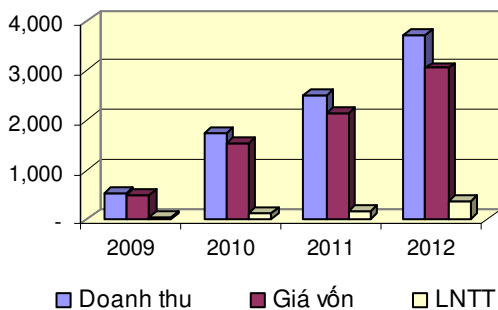


## Cơ cấu nguồn vốn

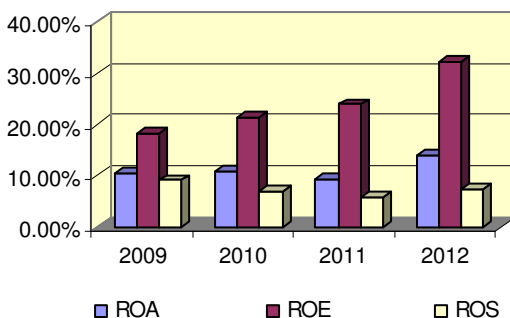


## Tình hình doanh thu - Lợi nhuận

(ĐVT: tỷ đồng)



## Hiệu quả hoạt động



## Các chiến lược, định hướng cơ bản của PVC

- Phát triển đồng thời cả trên 3 lĩnh vực: sản xuất, kinh doanh và dịch vụ;
- Xây dựng và phát triển PVC thành nhà sản xuất, cung cấp dịch vụ hóa kỹ thuật chuyên nghiệp và các giải pháp kỹ thuật thân thiện với môi trường;
- Phát triển dịch vụ liên quan để xử lý dung dịch khoan như: xử lý based oil, tách chất rắn, bơm cắt, xử lý mùn khoan các loại;
- Đẩy mạnh các dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho khai thác dầu khí (xử lý vùng cận đáy giếng, gia tăng thu hồi dầu,...)
- Phát triển hệ thống kênh phân phối, kinh doanh các sản phẩm hóa dầu: polypropylene, polyester,... với tỷ lệ 60% trực tiếp tới nhà sản xuất. Phát triển mạng lưới kinh doanh hóa chất ra ngoài ngành;
- Phát triển về công nghệ, chủng loại, chất lượng và mở rộng thị trường của các sản phẩm truyền thống như: Barite, Bentonite, xi măng G, Silica flour, CaCO<sub>3</sub>,..
- Nghiên cứu cơ hội đầu tư sản xuất sản phẩm hóa dầu LAB, Resin,...
- Đầu tư khai thác các mỏ Barite trong nước và nước ngoài, mỏ bentonite tại Thanh Hóa, Bình Thuận, mỏ CaCO<sub>3</sub> tại Nghệ An và các mỏ khác có hiệu quả kinh tế cao.

## PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH & TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Với tình hình kinh doanh của PVC qua 4 năm gần nhất, có thể thấy doanh thu của PVC tăng trưởng khá mạnh qua các năm với tỷ lệ tăng trưởng doanh thu thấp nhất trong 4 năm qua là 46%/năm (2011 và 2012), cao nhất là 208% (2010).

Tỷ lệ cơ cấu doanh thu, lợi nhuận khá ổn định với lợi nhuận biên bình quân khoảng 8.5%/doanh thu. Cơ cấu giá vốn ổn định, bình quân chiếm khoảng 86% doanh thu thuần qua các năm.

Về thị phần kinh doanh, PVC hiện vẫn đang duy trì vị thế độc quyền, nắm giữ 100% thị phần dịch vụ cung cấp dung dịch khoan tại thị trường Việt Nam. Một số công ty con của PVC hoạt động khá hiệu quả như MI-VN, DMC-WS. Năm 2012 DMC-WS đã thực hiện cung cấp dịch vụ dung dịch khoan cho 20 giếng của 9 giàn khoan tại Việt Nam cho PVEP, Côn Sơn JOC, và VSP với doanh thu 344 tỷ đồng, chiếm 20% thị phần cả nước. Đây là một tiền đề khá tốt cho sự phát triển hoạt động kinh doanh của PVC.

Về cơ cấu nguồn vốn, qua các năm, tỷ lệ nợ trên tổng nguồn vốn của PVC khá ổn định với tỷ lệ bình quân 48%. Tỷ trọng nợ ngắn hạn chiếm trên 90% tổng nợ. Trong đó các khoản vay và nợ ngắn hạn chỉ chiếm khoảng 27%.

Về cơ cấu tài sản, tỷ trọng tài sản ngắn hạn của PVC khá cao, bình quân chiếm gần 80% tổng tài sản. Trong đó phần lớn là các khoản phải thu khách hàng.

Hiệu quả sử dụng vốn của PVC khá cao với ROE 2012 đạt 32.44%, ROA đạt 13.97%.

Qua kết quả hoạt động kinh doanh 2012, PVC đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận kế hoạch đã đặt ra. Tuy nhiên, với việc luôn xây dựng kế hoạch thận trọng, PVC luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch đã đặt ra qua các năm.

Về các dự án, PVC dự kiến đưa dự án khai thác, chế biến Barite tại Lào vào hoạt động, đảm bảo khả năng cung cấp dung dịch khoan cho hoạt động của PVN tại Việt Nam và cho xuất khẩu.

Kết quả kinh doanh thực hiện 2012  
(Đơn vị tính: tỷ đồng)

| Chi tiêu (HN) | KH 2012  | TH 2012  | % KH |
|---------------|----------|----------|------|
| Doanh thu     | 3,000.00 | 3,755.22 | 125% |
| LNTT          | 202.00   | 376.56   | 186% |
| LNST          | 151.50   | 271.62   | 179% |
| Cổ tức        | 10%      | 0%       | 0%   |

(Đến 31/05/2013, cổ tức 2012 10% chưa thực hiện)

Tình hình thực hiện kế hoạch 2013  
(Đơn vị tính: tỷ đồng)

| Chi tiêu (HN) | KH 2013  | TH Quý I/2013 | % so KH |
|---------------|----------|---------------|---------|
| Doanh thu     | 3,200.00 | 760.47        | 23.76%  |
| LNTT          | 199.00   | 42.07         | 21.14%  |
| LNST          | 146.80   | 30.94         | 21.08%  |

(Nguồn: NQ ĐHCĐ thường niên & BCTC HN kiểm toán Quý I/2013)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

| (DVT: tỷ đồng)                       |                 |                 |                 |               |                            |         |         |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|---------------|----------------------------|---------|---------|
| KẾT QUẢ KINH DOANH                   | 2012            | 2011            | 2010            | 2009          | CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH         | 2012    | 2011    |
| Doanh thu thuần                      | 3,708.58        | 2,517.61        | 1,740.98        | 551.96        | <b>Tăng trưởng</b>         |         |         |
| Giá vốn hàng bán                     | 3,040.73        | 2,143.85        | 1,536.25        | 490.77        | Doanh thu thuần            | 47.31%  | 44.61%  |
| CP bán hàng & CP quản lý DN          | 290.74          | 273.03          | 181.42          | 89.21         | Lãi thuần                  | 188.06% | 487.75% |
| Doanh thu tài chính                  | 18.86           | 59.91           | 16.49           | 4.56          | Tổng tài sản               | 19.08%  | 42.91%  |
| Chi phí tài chính                    | 39.12           | 36.76           | 18.72           | 9.38          | Vốn CSH                    | 34.18%  | 9.43%   |
| Doanh thu khác                       | 30.29           | 33.36           | 0.96            | 0.17          | <b>Tỷ suất sinh lợi</b>    |         |         |
| Chi phí khác                         | 10.57           | 9.85            | 3.44            | 0.68          | Tỷ suất LN gộp             | 18.01%  | 14.85%  |
| Thu nhập trước thuế                  | 376.56          | 190.34          | 124.36          | 50.62         | Tỷ suất LN thuần từ HĐKD   | 9.62%   | 4.92%   |
| Thuế TNDN phải nộp                   | 104.94          | 41.31           | 2.26            | 0.50          | ROE                        | 32.44%  | 23.88%  |
| Lợi nhuận sau thuế                   | 271.63          | 149.02          | 122.09          | 50.13         | ROA                        | 13.97%  | 9.13%   |
| <b>CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>               | <b>2012</b>     | <b>2011</b>     | <b>2010</b>     | <b>2009</b>   | ROS                        | 7.32%   | 5.92%   |
| <b>Tổng tài sản</b>                  | <b>1,944.25</b> | <b>1,632.67</b> | <b>1,142.46</b> | <b>473.92</b> | EPS cơ bản (đồng)          | 3,807   | 3,541   |
| Tài sản ngắn hạn                     | 1,662.82        | 1,398.81        | 889.30          | 305.48        | <b>Khả năng thanh toán</b> |         |         |
| Tài sản dài hạn                      | 281.43          | 233.85          | 253.16          | 168.44        | Hệ số thanh toán hiện thời | 1.97    | 1.69    |
| <b>Nguồn vốn</b>                     | <b>1,944.25</b> | <b>1,632.67</b> | <b>1,142.46</b> | <b>473.92</b> | Hệ số thanh toán nhanh     | 1.31    | 0.69    |
| Nợ phải trả                          | 929.80          | 873.93          | 571.82          | 199.73        | Hệ số thanh toán tiền mặt  | 0.41    | 0.21    |
| <i>Nợ ngắn hạn</i>                   | <i>843.53</i>   | <i>826.44</i>   | <i>556.80</i>   | <i>198.82</i> | <b>Năng lực hoạt động</b>  |         |         |
| <i>Nợ dài hạn</i>                    | <i>86.27</i>    | <i>47.49</i>    | <i>15.02</i>    | <i>0.91</i>   | Vòng quay hàng tồn kho     | 5.21    | 2.47    |
| Nguồn vốn chủ sở hữu                 | 837.58          | 623.84          | 570.37          | 274.03        | Vòng quay tổng tài sản     | 1.91    | 1.54    |
| <i>Vốn chủ sở hữu</i>                | <i>837.41</i>   | <i>624.07</i>   | <i>570.27</i>   | <i>274.00</i> | Vòng quay nợ phải thu      | 5.25    | 7.13    |
| <i>Vốn điều lệ</i>                   | <i>500.00</i>   | <i>350.00</i>   | <i>350.00</i>   | <i>159.72</i> | <b>Cơ cấu vốn</b>          |         |         |
| <i>Thặng dư vốn cổ phần</i>          | <i>18.97</i>    | <i>17.85</i>    | <i>17.85</i>    | <i>0.00</i>   | Tổng nợ/ Tổng tài sản      | 0.48    | 0.54    |
| <i>LNST chưa phân phối</i>           | <i>251.33</i>   | <i>191.74</i>   | <i>181.24</i>   | <i>99.67</i>  | Tổng nợ/ Vốn CSH           | 1.11    | 1.49    |
| <i>Nguồn kinh phí &amp; quỹ khác</i> | <i>0.17</i>     | <i>(0.23)</i>   | <i>0.10</i>     | <i>0.03</i>   | Vốn vay/ Tổng tài sản      | 0.16    | 0.17    |
| Lợi ích cổ đông thiểu số             | 176.87          | 134.90          | 0.27            | 0.16          | Đòn bẩy tài chính          | 2.32    | 2.62    |

## SO SÁNH VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÙNG NGÀNH

| Mã CK     | DT 2012<br>(Tỷ) | LNST<br>2012<br>(Tỷ) | EPS<br>CB | HSTT<br>nhanh | Vòng<br>quay<br>HTK<br>(ngày) | D/A  | ROE<br>(%)    | ROA<br>(%)   | TSLN<br>gộp | Tốc độ<br>TT DT | Tốc độ<br>TT<br>LNST | P/E<br>(lần) | P/B<br>(lần) |
|-----------|-----------------|----------------------|-----------|---------------|-------------------------------|------|---------------|--------------|-------------|-----------------|----------------------|--------------|--------------|
| PVD       | 11,929.46       | 1,447.52             | 6,876     | 0.74          | 10.00                         | 0.63 | 21.94%        | 7.70%        | 22.49%      | 29.52%          | 34.95%               | 7.27         | 1.51         |
| PVS       | 24,509.71       | 1,262.60             | 3,755     | 1.19          | 25.00                         | 0.63 | 18.40%        | 5.00%        | 6.96%       | 1.14%           | -12.4%               | 4.50         | 0.81         |
| PVE       | 465.45          | 11.16                | 549       | 1.25          | 29.00                         | 0.55 | 5.30%         | 2.01%        | 11.96%      | -32.1%          | -80.8%               | 12.39        | 0.57         |
| PET       | 10,153.80       | 212.56               | 2,689     | 0.86          | 8.00                          | 0.69 | 15.31%        | 4.48%        | 7.49%       | -1.62%          | -27.4%               | 8.96         | 1.36         |
| PLC       | 6,063.20        | 168.83               | 2,802     | 0.89          | 7.00                          | 0.60 | 17.88%        | 6.31%        | 10.93%      | -0.07%          | -25.3%               | 6.17         | 1.05         |
| PVC       | 3,708.58        | 271.63               | 3,807     | 1.31          | 5.21                          |      | 32.44%        | 13.97%       | 18.01%      | 47.31%          | 82.27%               | 4.81         | 1.09         |
| <b>TB</b> |                 |                      |           |               |                               |      | <b>20.34%</b> | <b>6.68%</b> |             |                 |                      | <b>6.33</b>  | <b>1.21</b>  |

(Nguồn: Stoxvn và ORS tổng hợp, giá tham chiếu tại ngày 30/05/2013)

So với các doanh nghiệp hoạt động cùng nhóm ngành, PVC có các chỉ số về tỷ suất sinh lời cao hơn đa số các doanh nghiệp khác, với ROE bình quân hàng năm khoảng 22%, ROA bình quân 10%/năm. Trong năm 2012, mặc dù nền kinh tế gặp nhiều khó khăn nhưng PVC vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận khá ấn tượng trong khi các doanh nghiệp khác đa số đều tăng trưởng chậm hoặc suy giảm.

Các khoản đầu tư tài chính của PVC không đáng kể. Đối với các khoản đầu tư cho các dự án đa số đều khá hiệu quả. Một số công ty con hoạt động hiệu quả, đặc biệt MI-VN trong năm 2012 lợi nhuận đạt 251 tỷ đồng.

PVC hiện là một trong những đơn vị kinh doanh hiệu quả của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN).

Các khoản nợ phải trả dài hạn trong năm 2012 tăng 6% do thực hiện công trình nhà máy Cái Mép. Hiện nhà máy này đã hoàn thành và đi vào hoạt động.

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của PVC khá tốt với hệ số thanh toán nhanh đạt 1.31 lần, hệ số thanh toán hiện thời 1.97 lần cho thấy tình hình tài chính khá an toàn.

Cùng với lợi thế kinh doanh độc quyền trong lĩnh vực dịch vụ dung dịch khoan của ngành dầu khí, khi mà ngành công nghiệp dầu khí được xem là ngành công nghiệp mũi nhọn theo định hướng phát triển của Việt Nam, hoạt động kinh doanh của PVC hiện khá ổn định và dự kiến sẽ có rất nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai.

| Chỉ tiêu            | Giá trị |
|---------------------|---------|
| EPS thực hiện 2012  | 3,807   |
| EPS 2013 dự phóng   | 2,936   |
| BV 2012             | 16,748  |
| BV 2013 dự phóng    | 16,987  |
| Cổ tức dự kiến (KH) | 10%     |

| Chỉ tiêu        | Hệ số nhân | Định giá      | Tỷ trọng    |
|-----------------|------------|---------------|-------------|
| P/E             | 6.33       | 18,577        | 60%         |
| P/B             | 1.21       | 20,490        | 40%         |
| <b>Định giá</b> |            | <b>19,342</b> | <b>100%</b> |

## ĐỊNH GIÁ

Các hệ số nhân trung bình được chúng tôi tính toán dựa trên phương pháp bình quân có trọng số là vốn hóa thị trường tại ngày định giá của nhóm các công ty niêm yết hoạt động cùng ngành dịch vụ dầu khí với PVC làm cơ sở tham chiếu.

Căn cứ kết quả thực hiện kế hoạch trong 5 năm gần nhất; xét kế hoạch kinh doanh năm 2013 và tình hình thực hiện Quý I; với đánh giá dự án chế biến Barite tại Lào sẽ đi vào hoạt động hiệu quả, cũng như dự kiến những lợi tức do MI-VN mang lại cho PVC trong năm 2013, chúng tôi cho rằng PVC sẽ đủ điều kiện để hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đã đặt ra. Theo đó EPS chúng tôi dự phóng của PVC sẽ là 2,936<sup>d</sup>/CP.

Hiện PVC chưa có kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2013. Dựa trên cơ sở kết quả kinh doanh dự báo hoàn thành kế hoạch cũng như tỷ lệ cổ tức 10%, dự kiến vốn chủ sở hữu của PVC sẽ không thay đổi đáng kể. Với những nhận định trên, chúng tôi dự phóng giá trị sổ sách của PVC sẽ là 16,987 đồng/CP để định giá.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### Mức hỗ trợ - kháng cự:

|                |        |
|----------------|--------|
| Mức hỗ trợ 1   | 16,900 |
| Mức hỗ trợ 2   | 15,600 |
| Mức kháng cự 1 | 19,000 |
| Mức kháng cự 2 | 21,800 |



Biểu đồ nến của PVC ngày 30/05/2013 xuất hiện nến Long White Candle Stick ngay sau nến Long Black Candle Stick xuất hiện trước đó và đang trong chu kỳ tăng giá ngắn hạn cho thấy lực cầu đã quay trở lại ngay sau khi được đáp ứng mạnh trong phiên hôm trước.

Hiện biểu đồ của PVC cho thấy trend tăng giá đang được duy trì và có xu hướng bám dải Bollinger Band để tiếp tục tăng điểm. Tuy nhiên, PVC hiện đã tạo 1 GAP tăng giá khá lớn trước đó, do đó khi lực cầu suy giảm, nhiều khả năng GAP này sẽ được bù lại tại ngưỡng 17.2.

Xét các chỉ báo kỹ thuật Momentum, RSI, MACD, STO cho thấy PVC đang trong trạng thái quá mua. Dải Bollinger Band đang mở rộng nên nhiều khả năng biên độ biến động giá của PVC trong những phiên sắp tới sẽ khá lớn.

Hiện nay thanh khoản của PVC đang ở mức cao so với trung bình 30 phiên và PVC đã tạo đỉnh mới xét trong chu kỳ 2 năm gần nhất.

Thị giá của PVC hiện đang giao dịch tại 18,300đ/cp, thấp hơn giá trị **19,342đ/CP** mà chúng tôi đã định giá dựa trên các giá trị dự phóng.

Dưới góc nhìn kỹ thuật và xét tình hình thực tế diễn biến thị trường, chúng tôi cho rằng PVC nhiều khả năng khó phá vỡ ngưỡng kháng cự gần nhất 19.0 .

Với chiến lược đầu dài hạn, xét về mặt đầu tư giá trị, PVC sẽ là một lựa chọn đáng xem xét tại các vùng giá thích hợp theo diễn biến thị trường thấp hơn mức giá mà chúng tôi đã định giá.

### DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CỦA PVC

| Stt | Tên dự án                                                                             | Tổng đầu tư (tỷ) | Tiến độ                                                                             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Đầu tư XD nhà máy Hóa phẩm DK tại Cái Mép                                             | 174.00           | Đã hoàn thành và đưa vào khai thác, công suất SX xi măng giếng khoan 40.000 tấn/năm |
| 2   | Dự án đầu tư hệ thống thiết bị làm sạch bồn bể, kho chứa dầu ngoài khơi, tàu chứa dầu | 115.20           | Đang thực hiện                                                                      |

### DANH MỤC CÁC CÔNG TY CON CỦA PVC

| Stt | Tên công ty                                   | Vốn góp (tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-----------------------------------------------|-------------------|--------------|
| 1   | CTCP Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc          | 37.56             | 95.72%       |
| 2   | CTCP Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung        | 7.54              | 75.42%       |
| 3   | CTCP Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam          | 35.48             | 90.14%       |
| 4   | Cty TNHH MTV Dung dịch khoan & DV Giếng khoan | 60.00             | 100.00%      |
| 5   | Cty TNHH Dung dịch khoan M-I Việt Nam         | 9.16              | 51.00%       |
| 6   | CTCP Đầu tư & Khai thác Barite Bắc Kạn        | 1.68              | 77.44%       |

### DANH MỤC CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT CỦA PVC

| Stt | Tên công ty                            | Vốn góp (tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|----------------------------------------|-------------------|--------------|
| 1   | Công ty Liên doanh DMC - VTS (tại Lào) | 4.06              | 30.00%       |

## KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được phát hành bởi CTCP Chứng khoán Phương Đông (ORS). Nội dung trong báo cáo được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố và những xem xét thận trọng của người phân tích. Các thông tin được nêu trong báo cáo chỉ có giá trị tham khảo tại thời điểm phát hành. ORS và người phân tích không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác của các thông tin được đề cập trong báo cáo này.

Các nhận định và dự báo được nêu trong báo cáo này chỉ là quan điểm cá nhân của người phân tích mà không đại diện cho quan điểm của ORS. ORS không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức, hoặc phải thông báo với người đọc khi các thông tin, nhận định hay dự báo trong báo cáo này có sự thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Báo cáo này được viết với mục đích cung cấp thông tin khái quát, mà không hướng đến việc khuyến nghị người đọc thực hiện các quyết định đầu tư cụ thể. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn thông tin tham khảo.

Báo cáo này là tài sản được giữ bản quyền tại ORS. Báo cáo này chỉ được sao chép, bổ sung, sửa đổi hoặc phát hành từng phần hay toàn bộ nội dung khi có sự đồng ý của ORS.



### Công ty Cổ phần Chứng khoán PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận I, Tp.HCM

+T: (84-8) 3914.4290 +F: (84-8) 3914.2295 +W: [www.ors.com.vn](http://www.ors.com.vn)